

## LỜI GIỚI THIỆU

Từ cổ xưa, nghề khai thác cá đã là nguồn thực phẩm chính của nhân loại, nguồn cung cấp công ăn việc làm và lợi ích kinh tế cho những người làm nghề này. Sự dồi dào của nguồn lợi thủy sản đã được coi là món quà không giới hạn của thiên nhiên. Song, với sự gia tăng của tri thức và sự phát triển năng động của nghề cá sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, huyền thoại này đã phai mờ dần khi người ta nhận thức được rằng tuy nguồn lợi thủy sản có thể tái sinh nhưng không phải là vô tận, và nguồn lợi này cần được quản lý thích đáng nếu muốn duy trì sự đóng góp bền vững của nó cho sự giàu có về kinh tế, xã hội và dinh dưỡng của dân số luôn gia tăng của thế giới này.

Việc đưa vào áp dụng rộng rãi Vùng kinh tế đặc quyền (EEZ) vào giữa những năm bảy mươi và việc thông qua vào năm 1982 Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, sau những cuộc bàn luận kéo dài, đã cho chúng ta một khuôn khổ mới để quản lý tốt hơn nguồn lợi hải sản. Chế độ pháp lý mới của đại dương đã trao cho các quốc gia ven biển các quyền lợi và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn lợi hải sản trong vùng kinh tế đặc quyền của họ, chiếm tới khoảng 90% nguồn lợi hải sản của thế giới. Sự mở rộng quyền lực pháp lý của quốc gia như vậy là một bước cần thiết nhưng không đủ đối với việc quản lý hiệu quả và sự phát triển bền vững của nghề cá. Nhiều quốc gia ven biển vẫn tiếp tục đối mặt với những thách thức nghiêm trọng. Do thiếu kinh nghiệm và các nguồn lực vật chất và tài chính, họ đã tìm cách khai thác nhiều hơn các lợi ích từ nghề cá ở vùng EEZ của mình.

Trong những năm vừa qua, nghề cá thế giới đã trở thành ngành chạy theo thị trường, một ngành phát triển năng động của nền công nghiệp thực phẩm, và các quốc gia ven biển đã tận dụng lợi thế của các cơ hội mới của mình bằng cách đầu tư vào đội tàu khai thác cá hiện đại và các nhà máy chế biến để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường quốc tế đối với cá và các sản phẩm thủy sản. Nhưng đến cuối những năm tám mươi, người ta đã thấy rõ rằng nguồn lợi thủy sản không thể bền vững được nữa nếu cứ phát triển nhanh và nhiều khi không kiểm soát được như vậy, và thấy rằng các cách tiếp cận mới trong quản lý nghề cá, bao gồm cả bảo tồn nguồn lợi và môi trường là một nhu cầu cấp bách. Tình hình càng trở nên trầm trọng hơn khi nhận thức được rằng nghề cá không được điều tiết ở biển khơi, trong một số trường hợp liên quan đến các loài cá chuyển dịch và di cư mức độ cao ở cả trong và ngoài vùng EEZ, đang trở thành mối quan tâm ngày càng tăng.

Tại khoá họp lần thứ mười chín của mình vào tháng 3 năm 1991, Uỷ ban nghề cá (COFI) đã kêu gọi xây dựng các quan điểm mới để có thể tiến tới nghề cá có trách nhiệm và bền vững. Sau đó, Hội nghị quốc tế về nghề khai thác cá có trách nhiệm, tổ chức năm 1992 ở Cancún (Mexico), đã tiếp tục yêu cầu FAO xây dựng Quy chuẩn ứng xử quốc tế hướng vào những mối quan tâm này. Kết quả

của Hội nghị này, đặc biệt là Tuyên bố Cancún, là đóng góp quan trọng cho Hội nghị về môi trường và phát triển (UNCED) năm 1992 của Liên hợp quốc, và Chương trình nghị sự 21 của Hội nghị nói riêng. Sau đó, Hội nghị của Liên hợp quốc về trữ lượng cá chuyển dịch và trữ lượng cá di cư mức độ cao đã được triệu tập. FAO đã có sự hỗ trợ kỹ thuật quan trọng cho Hội nghị này. Tháng 11 năm 1993 Hiệp định về xúc tiến việc các tàu thuyền đánh cá ở biển khơi tuân thủ các biện pháp quốc tế về bảo tồn và quản lý đã được thông qua tại Khoá họp lần thứ hai mươi bảy của Hội nghị của FAO.

Ghi nhận sự phát triển này và những phát triển quan trọng khác trong nghề cá thế giới, các Hội đồng quản trị của FAO đã khuyến nghị việc xây dựng Quy chuẩn ứng xử toàn cầu cho nghề cá có trách nhiệm phù hợp với các công cụ nói trên và, theo cách không bắt buộc, thiết lập các nguyên tắc và các tiêu chuẩn áp dụng trong lĩnh vực bảo tồn, quản lý và phát triển tất cả các loại nghề cá. Được Hội nghị của FAO nhất trí thông qua ngày 31 tháng 10 năm 1995, Quy chuẩn ứng xử đã tạo ra khuôn khổ cần thiết cho các nỗ lực quốc gia và quốc tế trong việc đảm bảo khai thác bền vững các nguồn lợi thủy sinh trong sự hài hoà với môi trường.

Với vai trò của mình, FAO cam kết hết sức giúp đỡ các nước thành viên, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong việc thực hiện hiệu quả Quy chuẩn ứng xử cho nghề cá có trách nhiệm và sẽ báo cáo với cộng đồng Liên hợp quốc về tiến bộ đạt được và hành động cần thiết tiếp theo.

## MỞ ĐẦU

Nghề cá, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, là một nguồn quan trọng của thực phẩm, việc làm, giải trí, thương mại và sức mạnh kinh tế của con người trên toàn thế giới, cho các thế hệ hôm nay và mai sau, và do đó phải được tiến hành một cách có trách nhiệm. Quy chuẩn ứng xử đề ra các nguyên tắc và các tiêu chuẩn quốc tế cho các hành vi đối với các thực tiễn có trách nhiệm nhằm đảm bảo việc bảo tồn, quản lý và phát triển hiệu quả nguồn lợi thủy sinh, coi trọng thích đáng các hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Quy chuẩn ứng xử thừa nhận tầm quan trọng về dinh dưỡng, kinh tế, xã hội, môi trường và văn hoá của nghề cá, và lợi ích của tất cả những ai quan tâm đến nghề cá. Quy chuẩn ứng xử có tính đến đặc điểm sinh học của nguồn lợi và môi trường, lợi ích của người tiêu dùng và các đối tượng sử dụng khác. Các quốc gia và tất cả các đối tượng khác có tham gia vào nghề cá được khuyến khích áp dụng Quy chuẩn ứng xử và làm cho Quy chuẩn ứng xử có hiệu lực.

### ĐIỀU 1 - BẢN CHẤT VÀ PHẠM VI CỦA QUY CHUẨN ỨNG XỬ

1.1 Quy chuẩn ứng xử này là sự tự nguyện. Song, một số phần nhất định của Quy chuẩn ứng xử được dựa trên cơ sở các qui định hữu quan của luật pháp quốc tế, bao gồm cả các qui định đã được thể hiện trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển ban hành ngày 10 tháng 12 năm 1982<sup>1</sup>. Quy chuẩn ứng xử cũng chứa đựng các điều khoản có thể sẽ hoặc đã có hiệu lực ràng buộc thông qua các công cụ pháp lý bắt buộc khác giữa các bên tham gia, chẳng hạn như Hiệp định về xúc tiến việc các tàu thuyền đánh cá ở biển khơi tuân thủ các biện pháp quốc tế về bảo tồn và quản lý, năm 1993, mà theo nghị quyết Hội nghị của FAO 15/93, đoạn 3, là một phần không tách rời của Quy chuẩn ứng xử.

1.2 Về phạm vi, Quy chuẩn ứng xử mang tính toàn cầu và nhằm vào các nước là thành viên và không phải là thành viên của FAO, các thực thể nghề cá, các tổ chức tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu, cho dù là các tổ chức thuộc chính phủ hay phi chính phủ, và tất cả các cá nhân có liên quan đến việc bảo tồn nguồn lợi thủy sản và quản lý, phát triển nghề cá, ví dụ như những người đánh cá, những người tham gia chế biến và tiêu thụ cá và các sản phẩm thủy sản, và những đối tượng khác có sử dụng môi trường thủy sinh liên quan đến nghề cá.

1.3 Quy chuẩn ứng xử đề ra các nguyên tắc và các tiêu chuẩn áp dụng cho bảo tồn, quản lý và phát triển tất cả các loại nghề cá. Quy chuẩn này cũng bao trùm nghề khai thác, chế biến và buôn bán cá và các sản phẩm thủy sản, các hoạt động khai thác cá, nuôi trồng thủy sản, nghiên cứu nghề cá và lồng ghép nghề cá với việc quản lý vùng ven biển.

---

<sup>1</sup> Trong Quy chuẩn ứng xử này việc tham chiếu Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, hoặc các hiệp định quốc tế khác không phương hại đến lập trường của bất kỳ quốc gia nào về phương diện ký kết, phê chuẩn hay gia nhập Công ước hoặc đối với các hiệp định tương tự khác.

1.4 Trong Quy chuẩn ứng xử này khi nói đến các quốc gia cũng bao gồm cả Cộng đồng châu Âu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Cộng đồng, và thuật ngữ nghề cá được áp dụng như nhau đối với nghề khai thác và nuôi trồng thủy sản.

## ĐIỀU 2 - MỤC TIÊU CỦA QUY CHUẨN ỨNG XỬ

Mục tiêu của Quy chuẩn ứng xử là:

- a) thiết lập các nguyên tắc, phù hợp với các qui định hữu quan của luật pháp quốc tế, cho nghề khai thác cá và các hoạt động nghề cá có trách nhiệm, có tính đến tất cả các khía cạnh liên quan về sinh học, công nghệ, kinh tế, xã hội, môi trường và thương mại;
- b) thiết lập các nguyên tắc và các tiêu chí cho việc soạn thảo và thực hiện các chính sách quốc gia đối với việc bảo tồn, quản lý và phát triển có trách nhiệm nguồn lợi thủy sản;
- c) làm công cụ tham chiếu để giúp các quốc gia thiết lập hoặc cải thiện khuôn khổ pháp lý và thể chế cần cho việc thực hành nghề cá có trách nhiệm, và trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp thích hợp;
- d) cung cấp các hướng dẫn có thể sử dụng được ở những nơi thích hợp trong việc xây dựng và thực hiện các hiệp định quốc tế và các công cụ pháp lý khác có tính chất bắt buộc hoặc tự nguyện;
- e) tạo điều kiện thuận lợi và xúc tiến hợp tác về kỹ thuật, tài chính và các lĩnh vực khác trong bảo tồn nguồn lợi thủy sản và quản lý, phát triển nghề cá;
- f) xúc tiến đóng góp của nghề cá cho an ninh lương thực và chất lượng thực phẩm, trong đó dành ưu tiên cho các nhu cầu về dinh dưỡng của cộng đồng địa phương;
- g) xúc tiến bảo vệ nguồn lợi thủy sinh và môi trường của nguồn lợi này, và các vùng ven biển;
- h) xúc tiến thương mại đối với cá và các sản phẩm thủy sản phù hợp với các qui định quốc tế hữu quan và tránh sử dụng các biện pháp có thể tạo ra các rào cản đối với hoạt động thương mại như vậy;

- i) xúc tiến nghiên cứu nghề cá cũng như nghiên cứu các hệ sinh thái và các yếu tố môi trường liên quan;
- j) cung cấp các tiêu chuẩn ứng xử cho tất cả các cá nhân hoạt động trong nghề cá.

### **ĐIỀU 3 - MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG CỤ QUỐC TẾ KHÁC**

3.1 Quy chuẩn ứng xử cần được giải thích và áp dụng cho phù hợp với các qui định hữu quan của luật quốc tế như đã được thể hiện trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Không có điều khoản nào trong Quy chuẩn ứng xử này phương hại đến các quyền lợi, quyền tài phán và nghĩa vụ của các quốc gia theo luật quốc tế, như được thể hiện trong Công ước.

3.2 Quy chuẩn ứng xử cũng cần được giải thích và áp dụng:

- a) theo cách phù hợp với các điều khoản hữu quan của Hiệp định về thực hiện các điều khoản của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển ngày 10 tháng 12 năm 1982 liên quan đến bảo tồn và quản lý trữ lượng cá chuyển dịch và trữ lượng cá di cư mức độ cao;
- b) phù hợp với các qui định đang được áp dụng của luật quốc tế, bao gồm các nghĩa vụ tương ứng của các quốc gia trong việc thực hiện các hiệp định quốc tế mà họ đã ký kết;
- c) dưới ánh sáng của Tuyên bố Cancún năm 1992, Tuyên bố Rio năm 1992 về môi trường và phát triển, và Chương trình nghị sự 21 do Hội nghị của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển (UNCED) thông qua, đặc biệt là Chương 17 của Chương trình nghị sự 21, và các tuyên bố và công cụ quốc tế hữu quan khác.

### **ĐIỀU 4 - THỰC THI, GIÁM SÁT VÀ CẬP NHẬT**

4.1 Tất cả các nước thành viên và không phải là thành viên của FAO, các thực thể nghề cá và các tổ chức tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu hữu quan, thuộc chính phủ hay phi chính phủ, và tất cả các cá nhân liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng nguồn lợi thủy sản và buôn bán cá và các sản phẩm thủy sản phải cộng tác thi hành và thực hiện các mục tiêu và các nguyên tắc chứa đựng trong Quy chuẩn ứng xử này.

4.2 Phù hợp với vai trò của mình trong hệ thống Liên hợp quốc, FAO sẽ giám sát việc áp dụng và thực hiện Quy chuẩn ứng xử và hiệu lực của Quy chuẩn ứng xử đối với nghề cá, và theo đó Ban thư ký sẽ báo cáo lên Ủy ban nghề cá (COFI). Tất cả các quốc gia, là thành viên hay không phải là thành viên của FAO,

cũng như các tổ chức quốc tế hữu quan, thuộc chính phủ hay phi chính phủ, phải tích cực hợp tác với FAO trong công việc này.

4.3 Thông qua các tổ chức có thẩm quyền của mình, FAO có thể sửa đổi Quy chuẩn ứng xử, có tính đến sự phát triển trong nghề cá cũng như báo cáo cho COFI về việc thực hiện Quy chuẩn ứng xử.

4.4 Các quốc gia và các tổ chức quốc tế, thuộc chính phủ hay phi chính phủ, phải xúc tiến việc làm cho những đối tượng tham gia nghề cá hiểu Quy chuẩn ứng xử, bao gồm cả việc đưa vào sử dụng các phương cách có tính thực tế có thể xúc tiến việc tự nguyện chấp nhận Quy chuẩn ứng xử và việc áp dụng Quy chuẩn có hiệu quả.

## **ĐIỀU 5 - NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

5.1 Cần phải tính đến một cách thích đáng năng lực của các nước đang phát triển trong việc thực hiện các khuyến nghị của Quy chuẩn ứng xử này.

5.2 Để đạt được các mục tiêu của Quy chuẩn ứng xử và hỗ trợ cho việc thực hiện hiệu quả Quy chuẩn ứng xử, các nước, các tổ chức quốc tế hữu quan, thuộc chính phủ hay phi chính phủ, và các tổ chức tài chính phải thực sự thừa nhận những hoàn cảnh đặc biệt và các yêu cầu của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển trong số các nước đó, và các quốc gia đảo nhỏ đang phát triển. Các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ, và các tổ chức tài chính phải hành động để thông qua các biện pháp nhằm vào những nhu cầu của các nước đang phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực trợ giúp tài chính và kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo và hợp tác khoa học, và tăng cường khả năng của các nước này trong việc phát triển nghề cá của họ cũng như trong việc tham gia nghề cá biển khơi, gồm cả khả năng tiến hành được nghề cá này.

## **ĐIỀU 6 - CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG**

6.1 Các quốc gia và các đối tượng sử dụng nguồn lợi thủy sinh phải bảo tồn các hệ sinh thái thủy sinh. Quyên được khai thác cá bao hàm cả nghĩa vụ trong khai thác theo phương cách có trách nhiệm để có thể bảo đảm bảo tồn và quản lý hiệu quả nguồn lợi thủy sinh.

6.2 Quản lý nghề cá phải xúc tiến việc duy trì chất lượng, đa dạng và sự sinh tồn của nguồn lợi thủy sản đủ về số lượng cho các thế hệ hôm nay và mai sau trong bối cảnh an ninh lương thực, giảm nghèo và phát triển bền vững. Các biện pháp quản lý phải bảo đảm bảo tồn không chỉ riêng các loài ưu tiên mà cả các loài

trong cùng một hệ sinh thái, liên quan đến hoặc phụ thuộc vào các loài ưu tiên đó.

6.3 Các quốc gia phải ngăn ngừa việc khai thác quá mức và năng lực duthừa trong khai thác, và phải thực hiện các biện pháp quản lý để đảm bảo rằng các nỗ lực khai thác tương xứng với khả năng sinh sản của nguồn lợi thủy sản và việc sử dụng bền vững nguồn lợi này. Các quốc gia phải tiến hành các biện pháp phục hồi các quần thể đến mức cao nhất và vào những thời điểm thích hợp.

6.4 Các quyết định về bảo tồn và quản lý nghề cá phải dựa trên những chứng cứ khoa học tốt nhất, đồng thời có tính đến sự hiểu biết truyền thống về nguồn lợi và môi sinh cũng như các yếu tố xã hội, kinh tế và môi trường. Các quốc gia phải dành ưu tiên cho công tác nghiên cứu và thu thập dữ liệu để nâng cao kiến thức khoa học và kỹ thuật nghề cá, bao gồm cả mối tương tác của nghề cá với hệ sinh thái. Thừa nhận tính chất xuyên ranh giới của rất nhiều hệ sinh thái, các quốc gia phải khuyến khích sự hợp tác đa phương và song phương trong công tác nghiên cứu cho phù hợp.

6.5 Các quốc gia, các tổ chức quản lý nghề cá tiểu khu vực và khu vực phải áp dụng cách tiếp cận thận trọng một cách rộng rãi để bảo tồn, quản lý và khai thác các nguồn lợi thủy sinh nhằm bảo vệ và duy trì môi trường thủy sinh, có tính đến những chứng cứ khoa học tốt nhất. Không được lấy việc thiếu các thông tin khoa học đầy đủ làm lý do để trì hoãn hoặc không tiến hành các biện pháp bảo tồn các loài ưu tiên, các loài liên quan hoặc phụ thuộc, các loài không ưu tiên và môi trường của chúng.

6.6 Ngư cụ có chọn lọc và an toàn đối với môi trường và các hoạt động cần phải được tiếp tục phát triển và áp dụng một cách thiết thực để có thể duy trì đa dạng sinh học và bảo tồn cơ cấu quần thể, các hệ sinh thái thủy sinh và bảo vệ chất lượng cá. Ở những nơi có ngư cụ và các hoạt động này phải được thừa nhận và chấp nhận như một ưu tiên trong việc thiết lập các biện pháp bảo tồn và quản lý nghề cá. Các quốc gia và các đối tượng sử dụng các hệ sinh thái thủy sinh phải giảm thiểu sự tàn phá hoặc khai thác các loài không ưu tiên, gồm cả các loài cá và không phải cá, và giảm thiểu các tác động tới các loài liên quan hoặc các loài phụ thuộc.

6.7 Các công đoạn khai thác, xử lý, chế biến và phân phối cá và các sản phẩm thủy sản phải được tiến hành theo phương cách có thể duy trì được giá trị dinh dưỡng, chất lượng và sự an toàn của sản phẩm, giảm chất thải và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường.

6.8 Tất cả các môi sinh quan trọng của nghề cá ở các hệ sinh thái biển và

nước ngọt như các vùng đất ướt, ngập mặn, ran đá ngầm, đầm phá, vùng ương nuôi và sinh sản phải được bảo vệ và phục hồi đến mức cao nhất và ở những nơi cần thiết. Cần phải có nỗ lực đặc biệt để bảo vệ những vùng môi sinh này để chúng không bị phá hủy, suy thoái, ô nhiễm và không bị các tác động đáng kể khác do các hoạt động của con người gây ra khi mà các hoạt động đó có thể đe dọa sức khỏe và sự sống còn của nguồn lợi thủy sản.

6.9 Các quốc gia phải đảm bảo rằng lợi ích nghề cá của họ, bao gồm cả nhu cầu bảo tồn nguồn lợi, được tính đến trong bối cảnh sử dụng nhiều mặt vùng ven biển và phải được lồng ghép với việc quản lý, quy hoạch và phát triển vùng ven biển.

6.10 Trong khuôn khổ thẩm quyền tương ứng của mình và phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả trong khuôn khổ các tổ chức hoặc các cơ cấu khác về bảo tồn và quản lý nghề cá tiểu khu vực hoặc khu vực, các quốc gia phải đảm bảo tuân thủ và thi hành các biện pháp bảo tồn và quản lý, và thiết lập các cơ chế hữu hiệu cho phù hợp để giám sát và kiểm soát các hoạt động của các tàu khai thác cá và các tàu phụ trợ.

6.11 Khi cho phép các tàu khai thác cá và các tàu phụ trợ treo cờ của mình, các quốc gia phải thực hành việc kiểm soát hữu hiệu đối với các tàu này để đảm bảo việc áp dụng thích đáng Quy chuẩn ứng xử. Các quốc gia này phải đảm bảo không để cho các hoạt động của các tàu đó làm phương hại đến hiệu quả của các biện pháp bảo tồn và quản lý được tiến hành theo luật pháp quốc tế và đã được thông qua để áp dụng ở cấp quốc gia, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu. Các quốc gia cũng cần phải đảm bảo việc các tàu treo cờ của mình thực hiện các nghĩa vụ về thu thập và cung cấp dữ liệu liên quan đến các hoạt động khai thác cá của các tàu này.

6.12 Trong khuôn khổ thẩm quyền tương ứng của mình và phù hợp với luật pháp quốc tế, các quốc gia cần phải hợp tác ở cấp tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu thông qua các tổ chức quản lý nghề cá, các hiệp định quốc tế hoặc các cơ cấu khác để xúc tiến việc bảo tồn và quản lý, nhằm đảm bảo khai thác cá có trách nhiệm, bảo đảm bảo tồn và bảo vệ hiệu quả nguồn lợi thủy sinh trong toàn bộ chuỗi phân phối, có tính đến nhu cầu về các biện pháp tương hợp ở những vùng trong và ngoài phạm vi quyền tài phán của quốc gia.

6.13 Ở mức độ cho phép của luật pháp và các qui chế của mình, các quốc gia phải đảm bảo cho qui trình ra quyết định được minh bạch và phải có được các giải pháp kịp thời đối với các vấn đề cấp bách. Theo các thủ tục thích hợp, các quốc gia phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham khảo ý kiến và sự tham gia của ngành, của những người làm việc trong nghề cá, các tổ chức về môi trường và các tổ chức có mối quan tâm trong quá trình ra quyết định liên quan đến việc xây dựng luật và chính sách về quản lý, phát triển nghề cá, về cho vay và viện trợ quốc tế cho nghề cá.



6.14 Thương mại quốc tế đối với cá và các sản phẩm thủy sản phải được tiến hành phù hợp với các nguyên tắc, quyền lợi và nghĩa vụ đã được thiết lập trong Hiệp định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và các hiệp định quốc tế hữu quan khác. Các quốc gia phải đảm bảo việc các chính sách, chương trình và thực tiễn thương mại đối với cá và các sản phẩm thủy sản của mình không dẫn đến việc cản trở các hoạt động thương mại này, không dẫn đến tình trạng suy thoái môi trường và các tác động tiêu cực về mặt xã hội, bao gồm cả vấn đề dinh dưỡng.

6.15 Các quốc gia phải hợp tác để ngăn ngừa các tranh chấp. Tất cả các tranh chấp liên quan đến hoạt động và các thực tiễn khai thác cá phải được giải quyết một cách kịp thời, hoà bình và hợp tác, phù hợp với các hiệp định quốc tế đang được áp dụng hoặc có thể được thoả thuận khác đi bởi các bên tham gia. Trong khi chờ giải quyết tranh chấp, các quốc gia hữu quan phải có các nỗ lực để có những thu xếp tạm thời có tính chất thực tế, không phương hại đến kết quả cuối cùng của bất kỳ cách thức giải quyết tranh chấp nào.

6.16 Các quốc gia phải nhận thấy rằng đối với ngư dân và những người nuôi trồng thủy sản việc hiểu vấn đề bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản là những cái mà họ phụ thuộc vào có tầm quan trọng to lớn từ đó các quốc gia phải tăng cường nhận thức về nghề cá có trách nhiệm thông qua giáo dục và đào tạo. Các quốc gia phải đảm bảo việc ngư dân và những người nuôi trồng thủy sản hiểu được rằng họ là những người tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, đồng thời cũng là tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện Quy chuẩn ứng xử.

6.17 Các quốc gia phải đảm bảo việc các phương tiện và thiết bị khai thác cá cũng như các hoạt động nghề cá phải tính đến các điều kiện sống và làm việc an toàn, lành mạnh và công bằng, và đáp ứng các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận và đã được các tổ chức quốc tế hữu quan thông qua.

6.18 Thừa nhận những đóng góp quan trọng của nghề cá thủ công và nghề cá qui mô nhỏ đối với vấn đề việc làm, thu nhập và an ninh lương thực, các quốc gia phải bảo vệ một cách thích hợp quyền lợi của ngư dân và những người làm việc trong nghề cá, đặc biệt là những người làm việc trong nghề cá tự cấp tự túc, nghề cá qui mô nhỏ và nghề cá thủ công, đối với một cuộc sống được đảm bảo và công bằng, cũng như, ở những nơi thích hợp, để cho họ có thể tiếp cận các ngư trường truyền thống và các nguồn lợi ở những vùng nước thuộc quyền tài phán của nước mình.

6.19 Các quốc gia phải xem nghề nuôi trồng thủy sản, bao gồm cả nghề cá lấy nuôi trồng thủy sản làm cơ sở, như một phương tiện xúc tiến đa dạng hoá thu nhập và thực đơn thường ngày. Khi làm như vậy, các quốc gia phải đảm bảo để các nguồn lợi được sử dụng một cách có trách nhiệm và các tác động bất lợi tới môi trường và cộng đồng địa phương được giảm thiểu.